

Bản án số: 25/2018/LĐST
Ngày 27/11/2018
V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm
xã hội.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Huế

Nghề nghiệp: Cán bộ Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-LĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 390/2018/QĐST-LĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 323/2018/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 98 Tỉnh lộ 15, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Sung H - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Thị C, sinh năm: 1986.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 9 năm 2018).

Bà C vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

Địa chỉ: 174/1 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, chuyên viên Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2018).

Ông Chính có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2018, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 7/2015. Bà có quyết định thôi việc vào ngày 02/01/2018. Tuy nhiên trong quá trình làm việc thì Công ty N đã không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017. Bà đã yêu cầu Công ty N giải quyết chế độ trên cho bà nhưng Công ty N không thực hiện. Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, bà khởi kiện yêu cầu Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017. Ngoài ra, bà yêu cầu Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thai sản cho bà và yêu cầu trả tiền trợ cấp thất nghiệp vì hiện nay bà đang ở nhà, không tiếp tục đi làm việc. Bà sinh con từ tháng 10/2017 đến nay chưa nhận được tiền thai sản.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Sổ bảo hiểm xã hội (photo), hợp đồng lao động (photo), giấy khai sinh (bản sao), quyết định nghỉ việc (photo).

- *Tại phiên tòa ngày 27/11/2018, nguyên đơn bà Trần Thị L rút yêu cầu về việc buộc Công ty N chi trả tiền trợ cấp thai sản và tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà. Bà L yêu cầu Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017.*

- *Tại bản tự khai ngày 15/10/2018, bà Lục Thị C là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N trình bày:*

Bị đơn xác nhận bà Trần Thị L là người lao động của Công ty, nghỉ việc vào tháng 01/2018. Từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, Công ty N chưa nộp bảo hiểm xã hội cho bà L.

Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Công ty đã đóng đến thời điểm bà L nghỉ việc (tháng 12/2017).

Công ty N hiện đang gặp khó khăn nên Công ty nên chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà L. Hàng tháng Công ty sẽ có kế hoạch đóng tiền cho bảo hiểm xã hội cho đến thời điểm bà L nghỉ và Công ty sẽ liên hệ chốt sổ sau khi đóng đủ tiền cho bảo hiểm xã hội.

Còn về tiền trợ cấp thai sản: Tiền thai sản trích từ bảo hiểm xã hội ra (tỷ lệ 4,5%) nên hàng tháng Công ty sẽ đóng tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội, ai có chế độ thai sản tháng nào thì Công ty sẽ làm hồ sơ gửi ra cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan bảo hiểm xã hội sẽ thanh toán tiền thai sản cho người lao động.

Về bảo hiểm thất nghiệp: Công ty đã đóng đầy đủ bảo hiểm thất nghiệp cho bà L nên quá trình làm sẽ bảo lưu lại trong sổ và khi làm chỗ mới sẽ đóng tiếp vào sổ, đồng thời chế độ bảo hiểm thất nghiệp vẫn được hưởng đầy đủ.

Tất cả các chế độ của người lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết, còn Công ty có trách nhiệm đóng tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội chứ không thanh toán trực tiếp cho người lao động.

- *Tại phiên tòa ngày 27/11/2018, ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi trình bày:* Tính đến thời điểm tháng 10/2018, Công ty N còn nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị L là 22.276.500 đ (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng), tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội là 6.301.027 đ (sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), tổng cộng là 28.577.527 đ (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng). Công ty N đã đóng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho bà L cho đến thời điểm tháng 08/2017, bà L có thể liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi để làm xác nhận thời gian đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty N. Về chế độ thai sản, khi nào Công ty N nộp đủ tiền bảo hiểm xã hội thì cơ quan hiểm xã hội huyện Củ Chi sẽ làm thủ tục trợ cấp chế độ thai sản cho người lao động khi đã nhận đủ hồ sơ do Công ty N hoặc người lao động nộp.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, ngoài việc giao thông báo thụ lý cho các đương sự vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự (thụ lý ngày 19/9/2018 nhưng đến ngày 02/10/2018 mới tổng đạt cho các đương sự) thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH N chi trả bảo hiểm thất nghiệp và trợ cấp thai sản cho bà Trần Thị L; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu Công ty TNHH N đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017 và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d

khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của phía bị đơn mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L rút yêu cầu về việc buộc Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp và tiền thai sản cho bà. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, bà L yêu cầu Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà đến tháng 12/2017.

Tại phiên tòa, mặc dù phía bị đơn vắng mặt nhưng tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn thống nhất số tiền bảo hiểm xã hội của bà L mà Công ty N chưa nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội là 22.276.500đ (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.301.027đ (sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), tổng cộng là 28.577.527đ (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng). Công ty N thừa nhận chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 12/2017. Hàng tháng Công ty sẽ có kế hoạch đóng tiền cho bảo hiểm xã hội cho đến thời điểm bà L nghỉ và Công ty sẽ liên hệ chốt sổ sau khi đóng đủ tiền cho bảo hiểm xã hội.

Hội đồng xét xử nhận định:

Bà L làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 7/2015. Bà L có quyết định thôi việc vào ngày 02/01/2018. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động hàng tháng phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Việc Công ty N chậm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động đã xâm phạm đến quyền lợi của người lao động và gây khó khăn cho việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ kết quả xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi và sự thừa nhận của phía bị đơn thì Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động mặc dù hàng tháng Công ty đã trích thu khoản tiền này của người lao động. Bắt đầu từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, Công ty N không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà L với số tiền là 22.276.500đ (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.301.027đ (sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), tổng cộng là 28.577.527đ (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng). Do vậy, cần buộc Công ty N phải có nghĩa vụ đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội cho bà L số tiền trên là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật lao động thì: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động”. Do đó cần buộc Công ty N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 213, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 246, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 47, Điều 200 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Áp dụng Điều 17, Điều 21, Điều 86, Điều 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng Điều 44 Luật Việc làm năm 2013;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải chi trả cho bà L tiền bảo hiểm thất nghiệp và trợ cấp thai sản.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L.

Buộc Công ty TNHH N phải nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội của bà L từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017 với số tiền là 22.276.500đ (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.301.02đ (sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), tổng cộng là 28.577.527đ (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng); buộc Công ty TNHH N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 12/2017, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm buộc Công ty TNHH N phải nộp là 857.325đ (tám trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Hương